

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tại Tờ trình số 1874/CĐTNĐ-TCCB ngày 12 tháng 9 năm 2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là Bộ trưởng) quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành giao thông vận tải đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

3. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: VIETNAM INLAND WATERWAY ADMINISTRATION, viết tắt là: VIWA.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm, các chương trình, dự án quốc gia, các đề án phát triển thuộc chuyên ngành giao thông vận tải đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước.



2. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa; ban hành văn bản cá biệt, văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về giao thông vận tải đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (sau đây viết tắt là Cục).

3. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đường thủy nội địa; tổ chức xây dựng và thẩm định, công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành đường thủy nội địa.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, công bố hoặc phê duyệt.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa.

6. Về kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

a) Tổ chức quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa đã được Bộ trưởng phê duyệt;

b) Trình Bộ trưởng quyết định phân cấp quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; tổ chức quản lý, bảo trì đường thủy nội địa quốc gia;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng;

d) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng, hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa quốc gia;

đ) Trình Bộ trưởng công bố mở, đóng tuyến đường thủy nội địa quốc gia; công bố hoạt động hoặc đình chỉ hoạt động cảng đường thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và vùng đón trả hoa tiêu. Thực hiện chấp thuận, công bố cảng thủy nội địa; tổ chức quản lý hoạt động tại cảng, bến thủy nội địa và thông báo luồng giao thông đường thủy nội địa theo quy định;

e) Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các dự án xây dựng công trình trên đường thủy nội địa quốc gia theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn cơ quan chuyên ngành của địa phương thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa địa phương. Tổng hợp tình hình phát triển, quản lý, bảo trì hệ thống đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước.

7. Về phương tiện thủy nội địa:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định về đăng ký, xóa đăng ký và quản lý phương tiện thủy nội địa;

b) Tổ chức thực hiện việc đăng ký, xóa đăng ký, quản lý phương tiện thủy nội địa và phương tiện khác hoạt động trên đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá).

8. Về đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (trừ thuyền viên, người lái phương tiện của phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá):

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng quy định, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng quy định nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; quy định việc thi, kiểm tra, cấp, đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

c) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

d) Xây dựng, trình Bộ trưởng quy định phạm vi trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

đ) Tổ chức thực hiện việc cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đào tạo; cấp, thu hồi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

9. Về hoạt động vận tải thủy nội địa:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phát triển vận tải, các dịch vụ hỗ trợ vận tải thủy nội địa và quy định vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường thủy nội địa;

b) Xây dựng trình Bộ trưởng quy định việc công bố các tuyến vận tải hành khách và thực hiện việc công bố theo phân công của Bộ trưởng;

c) Tham gia xây dựng khung giá cước hoặc cước vận tải, xếp dỡ, các dịch vụ hỗ trợ vận tải được hoạt động độc quyền và những dịch vụ mà Nhà nước trợ giá hoặc giao cho doanh nghiệp thực hiện;

d) Thực hiện các quy định quản lý nhà nước tại cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra điều kiện kinh doanh vận tải thủy nội địa;

d) Tổ chức thống kê, nghiên cứu, dự báo thị trường vận tải đường thủy nội địa, sự phát triển các luồng hàng, lưu lượng hành khách và các tuyến vận tải đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước.

10. Về an toàn, an ninh giao thông đường thủy nội địa:

a) Tổ chức thực hiện bảo đảm an toàn, an ninh đường thủy nội địa theo thẩm quyền và thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức thực hiện khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện phòng, chống thiên tai, phối hợp tìm kiếm, cứu nạn đường thủy nội địa theo thẩm quyền và thuộc phạm vi quản lý;

d) Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo thẩm quyền và thuộc phạm vi quản lý.

11. Về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải đường thủy:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

b) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường trong xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Cục;

d) Đôn đốc, hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó biến đổi khí hậu trong hoạt động vận tải thủy thuộc phạm vi quản lý của Cục.

12. Về hợp tác quốc tế:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng phê duyệt chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế về đường thủy nội địa; đề Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn đề xuất việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về đường thủy nội địa; chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng dự thảo thỏa thuận quốc tế về đường thủy nội địa;

b) Tham gia đàm phán để trình cơ quan có thẩm quyền ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về đường thủy nội địa;

c) Tổ chức thực hiện chương trình hợp tác quốc tế đã được phê duyệt, thực hiện các điều ước quốc tế và hợp tác quốc tế về đường thủy nội địa theo phân cấp quản lý.

13. Tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; triển khai các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, bảo đảm dịch vụ thông tin phục vụ quản lý nhà nước và đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao thông vận tải thủy nội địa.

14. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các hội, tổ chức phi chính phủ tham gia vào hoạt động trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

15. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

16. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Cục.

17. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật; xây dựng trình Bộ trưởng cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức của Cục.

19. Quản lý tài chính, tài sản được giao; tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Được sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu từ phí, lệ phí và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

20. Xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì đường thủy nội địa quốc gia; tổ chức đấu thầu, đặt hàng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì đường thủy nội địa quốc gia theo quy định.

21. Trực tiếp quan hệ với các cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

22. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các tổ chức giúp việc Cục trưởng

- a) Phòng Kế hoạch - Đầu tư.
- b) Phòng Tài chính.
- c) Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng.
- d) Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế và Môi trường.
- đ) Phòng Tổ chức cán bộ.
- e) Phòng Quản lý phương tiện và thuyền viên.
- g) Phòng Vận tải - An toàn giao thông.
- h) Phòng Pháp chế - Thanh tra.
- i) Văn phòng.

2. Chi cục Đường thủy nội địa khu vực

- a) Chi cục Đường thủy nội địa khu vực I.
- b) Chi cục Đường thủy nội địa khu vực II.
- c) Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III.

3. Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực

- a) Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I.
- b) Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực II.
- c) Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III.
- d) Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV.
- đ) Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực V.

4. Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc

- a) Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Đường thủy I.
- b) Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Đường thủy II.

5. Bộ trưởng quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể; quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Chi cục Đường thủy nội địa, các Cảng vụ Đường thủy nội địa và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức còn lại thuộc Cục.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có Cục trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục; giúp việc Cục trưởng có các Phó Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và pháp luật về nhiệm vụ được Cục trưởng phân công.

2. Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm.

3. Các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

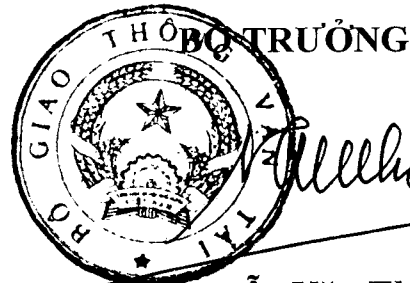
Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4409/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Quyết định số 3397/QĐ-BGTVT ngày 21/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *ch*

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VP, TCCB (LongKL-10).



Nguyễn Văn Thế